

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ny 05/11/2021

*“V/v Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình ly hôn, nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Ông Bùi Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết Nga, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL.

Trong Ny 05 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố CL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số 191/2021/TLST-HNGĐ, Ny 09 tháng 7 năm 2021, về việc “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2021/QĐXXST-HNGĐ, Ny 14 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đoàn Văn N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số 189, đường Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số 111, đường Trần Quốc Toản, Phường 7, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 351, đường Mai Văn Khái, tổ 8, ấp 3, xã Mỹ Tân, thành phố CL, tỉnh ĐT.

(Anh N và chị X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Anh Đoàn Văn N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị X kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*giấy chứng nhận kết hôn số 109, Ny 18/7/2016*). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng

thường xuyên cãi nhau. Từ giữa năm 2020, anh N và chị X không sống chung cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh Đoàn Văn N yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng X.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019, con chung đang sống với chị X. Anh N đồng ý chị X tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Đoàn Minh Đ, mức cấp dưỡng số tiền 750.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Nguyễn Thị Hồng X trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh N kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*giấy chứng nhận kết hôn số 109 Ny 18/7/2016*), vợ chồng không có mâu thuẫn, sau khi sinh con chị X về nhà cha mẹ ruột (xã Mỹ Tân, thành phố CL) chăm nuôi con đến nay. Vợ chồng không sống chung từ Ny chị X về nhà cha mẹ sống. Nay anh N yêu cầu ly hôn với chị X. Chị X đồng ý ly hôn với anh Đoàn Văn N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019, con chung đang sống với chị X. Chị X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi Đoàn Minh Đ, mức cấp dưỡng số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng)/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới cho Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Văn N và chị Nguyễn Thị Hồng X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Đoàn Văn N và chị Nguyễn Thị Hồng X.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Đoàn Văn N có đơn yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng X được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”

[3] *Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố CL, tỉnh ĐT. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh ĐT.

[4] *Về nội dung:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị X kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (*giấy chứng nhận kết hôn số 109, Ny 18/7/2016*) là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Anh N và chị X bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vào đầu năm 2019, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ giữa năm 2020, anh N và chị X không còn sống chung cho đến nay. Trong thời gian xa nhau, vợ chồng không liên lạc, không quan tâm nhau và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành Ny 14/10/2021, anh Đoàn Văn N yêu cầu ly hôn với chị X và chị Nguyễn Thị Hồng X đồng ý ly hôn với anh Đoàn Văn N.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn N, anh N được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng X.

Về con chung: Anh N và chị X thống nhất có 01 con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019, con chung đang sống với chị X.

Căn cứ khoản 3 Điều 81, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”. Tại biên bản hòa giải Ny 14/10/2021, Anh Đoàn Văn N đồng ý chị Nguyễn Thị Hồng X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N đồng ý chị X được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng*)/tháng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh N không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị X, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng 750.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy; Theo quy định tại điều 116 luật hôn nhân gia đình năm 2014 “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*”

Hiện nay, con chung tên Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019 dưới 36 tháng

tuổi, chi phí cho nhu cầu thiết yếu để nuôi con như: sữa, tã, quần áo, chi phí học hành...đối với một đứa trẻ là rất cần thiết. Mức cấp dưỡng theo tinh thần công văn số 24/199/KHXX Ny 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao “*Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con*”.

Căn cứ quy định pháp luật Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng mỗi tháng là một tháng lương cơ sở (tại thời điểm thi hành án), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi phù hợp quy định pháp luật.

Căn cứ vào Điều 82, 116 và Điều 117 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử buộc anh Đoàn Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là một tháng lương cơ sở (tại thời điểm thi hành án), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật.

Việc chị X yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng là không phù hợp như đã phân tích trên.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh N và chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn N phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chị Nguyễn Thị Hồng X không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, Ny 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Văn N được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng X.

[2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng X được tiếp tục nuôi con Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019, con chung đang sống với chị X.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của chị X. Buộc anh Đoàn Văn N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Đoàn Minh Đ, sinh Ny 12/12/2019, mức cấp dưỡng mỗi tháng là một tháng lương cơ sở (tại thời điểm thi hành án), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2021 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đoàn Văn N phải chịu án phí Hôn nhân & gia đình ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng, tổng cộng số tiền 600.000 đồng. Tiền án phí trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu lệ phí, án phí Tòa án số 0017368, Ny 08/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CL, tỉnh ĐT. Anh Đoàn Văn N phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hồng X không phải chịu án phí sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP CL;
- Viện kiểm sát ND TP CL;
- UBND phường Nguyễn Cư Trinh,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
(số 109, Ny 18/7/2016)
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Lê Công Khanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hải – Nguyễn Viết Thanh

Lê Công Khanh

Nơi nhận:

- Chi Cục THA DS TP CL;
- Viện kiểm sát ND TP CL;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Công Khanh